

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG
TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 217/2024/HS-ST
Ngày: 11-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám; Ông Nguyễn Anh Đắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2024/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2024/QĐXX-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Bùi Thị Thanh T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12-12-1977 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số I khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha Bùi Tấn T1, sinh năm: 1956 và mẹ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có năm chị em; Chồng (đã ly hôn): Hoàng Anh H1, sinh năm: 1974, có 01 con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 04-12-2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: F, tổ D, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Huy H2, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số D đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Hồ Minh T2, sinh năm: 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: F, tổ D, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 14 tháng 05 năm 2023, Bùi Thị Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 72D1-138.17 đi trên đường T theo hướng đi từ Nhà L, xã L, đến cầu G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, khi đến khu vực trước cột điện số 961 đường T, thôn I, xã L, thành phố V thì va chạm với xe mô tô biển số 72E1-390 do ông Hồ Minh T2 điều khiển, đang dừng phía trước bên phải theo chiều xe mô tô 72D1-138.17 lưu thông đồng thời va chạm với bà Nguyễn Thị C (là vợ ông T2) vừa mới từ trên xe mô tô biển số 72E1-390.15 bước xuống đường, làm bà C ngã xuống mặt đường phía trước và bị xe ô tô trộn bê tông biển số 72C-180.74 do anh Nguyễn Huy H2 điều khiển, lưu thông cùng chiều phía sau đến va chạm vào. Hậu quả: Bùi Thị Thanh T bị thương nhẹ, bà Nguyễn Thị C bị thương nặng, hai xe mô tô hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

Đoạn đường xảy ra tai nạn thuộc đường T, thôn I, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khu vực xảy ra tai nạn tại cột điện 961 đường T. Mặt đường trải bê tông nhựa bằng phẳng, đường hai chiều, giữa đường có vạch kẻ sơn màu vàng đứt quãng, phân chia đường thành hai chiều xe chạy. Mỗi chiều xe chạy có vạch kẻ sơn màu trắng đứt quãng, phân chia đường thành hai làn xe chạy. Tại khu vực xảy ra tai nạn giao thông không có biển báo giao thông.

Độ rộng nửa phần đường T là: 13m

Số 1: Vị trí xe mô tô biển số 72 E1-390.15.

Số 2: Vị trí xe mô tô biển số 72 D1-138.17.

Số 3: Vị trí xe mô tô biển số 72C-180.74.

Số 4: Khu vực điểm va chạm.

Điểm mốc: lấy cột điện 961 trên vỉa hè phía bên phải đường T, thôn I, xã L, thành phố V theo chiều đi từ Nhà Lớn về hướng cầu G làm điểm mốc chuẩn:

Mép đường chuẩn: tất cả các số đo đều được lấy về mép đường bên phải đường T theo chiều đi từ Nhà L về hướng cầu G.

Số 1: Vị trí xe mô tô biển số 72E1-390.15 sau tai nạn xe mô tô biển số 72E1-390.15 đổ nằm nghiêng bên phải, xe xoay nằm ngang, nằm trên làn đường bên phải đường T, thôn I, xã L, thành phố V theo hướng đi từ Nhà L về hướng cầu G. Đầu xe mô tô hướng vào mép đường chuẩn. T trục bánh trước và sau phía bên trái xe mô tô cách mép đường chuẩn lần lượt là 0,5m và 0,6m.

Số 2: Vị trí xe mô tô biển số 72D1-138.17 sau tai nạn xe mô tô 72D1-138.17 đổ nằm nghiêng bên trái, xe xoay nằm ngang, nằm trên làn đường bên phải đường T theo hướng đi từ Nhà L về hướng cầu G. Đầu xe mô tô hướng vào mép đường chuẩn; tâm trục bánh trước phía bên phải xe mô tô cách mép đường chuẩn là 0,8m, tâm trục bánh sau phía bên phải xe mô tô tại mép đường chuẩn. Bộ phận phía

trước bên trái xe mô tô biển số 72E1-390.15 cách bộ đề chân phía trước bên phải xe mô tô biển số 72D1-138.17 là 6,2m.

Số 3: Vị trí xe ô tô tải biển số 72C-180.74 sau tai nạn xe ô tô tải biển số 72C-180.74 dừng tại hiện trường, xe nằm dọc, nằm trên làn đường bên phải đường T theo hướng đi từ Nhà L về hướng cầu G. Đầu xe ô tô tải hướng về hướng cầu G; tâm trục bánh trước và sau phía bên phải xe ô tô tải cách mép đường chuẩn lần lượt là 3,9m và 3,9m. Bộ đề chân phía trước bên phải xe mô tô biển số 72D1-138.17 cách tâm trục bánh sau phía bên phải xe ô tô tải biển 72C-180.74 là 23,5m.

Số 4: Khu vực điểm va chạm. Qua công tác khám nghiệm hiện trường, các dấu vết để lại tại hiện trường và trên phương tiện, khu vực điểm va chạm được xác định tại cột điện số I, đường T, thôn I, xã L, thành phố V.

Cách điểm mốc cột điện số 961 là 9m.

Cách mép đường chuẩn là 0,8m.

Cách bộ đề chân phía trước bên trái xe mô tô biển số 72E1-390.15 là 1,6m.

Cách bộ đề chân phía trước bên phải xe mô tô biển số 72D1-138.17 là 7,5m.

Cách tâm trục bánh sau phía bên phải xe ô tô tải biển số 72C-180.74 là 30,5m.

Kết quả trưng cầu giám định:

* Kết luận giám định dấu vết va chạm:

Tại bản kết luận giám định số 253/KL-KTHS-DVCH, ngày 12-10-2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

Dấu vết trượt xước mất kim loại tại phía trước ốc cố định trục bánh trước; dấu vết trượt xước bám dính chất màu đen (dạng sơn) tại phía trước, giảm xóc trước, bên phải, ở xe mô tô biển số 72D1-138.17, có chiều từ trước về sau (ảnh 5, 7 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết thùng và trượt xước mất sơn màu đen tại vỏ động cơ phía sau, ở xe mô tô biển số 72E1-390.15, có chiều từ sau ra trước (ảnh 6, 8 trong bản ảnh giám định).

Không có cơ sở để xác định tốc độ của xe mô tô biển số 72D1-138.17 và xe mô tô biển số 72E1-390.15 ngay tại thời điểm xảy ra va chạm.

(Bút lục điều tra số 84, 85, 86)

* *Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 442/KLTTCT-PYBRVT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận như sau:*

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị C tại thời điểm giám định là: 90% (Chín mươi phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Vật gây thương tích, lực tác động, chiều hướng tác động gây thương tích: Các thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tầy, tác động với lực rất mạnh vào cơ thể nạn nhân theo nhiều chiều hướng khác nhau.

(Bút lục điều tra từ số 87 đến 96)

** Trung cầu giám định tốc độ của xe ô tô biển số 72C-180.74:*

Tại kết luận giám định số 1514/KL-KTHS, ngày 27-03-2024 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: “*Không đủ cơ sở xác định tốc độ di chuyển của xe ô tô trong nội dung tập tin video gửi giám định (từ giây thứ 29 đến giây thứ 34) là bao nhiêu*”.

(Bút lục điều tra số 133)

** Tại công văn số 378/SGTVT-QLKCCL, ngày 19-01-2024 của Sở giao thông vận tải tỉnh B xác định:*

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường hai chiều ngoài khu vực đông dân cư. Do đó theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ G, tốc độ tối đa của xe ô tô trộn bê tông, ô tô trộn vữa, ô tô xi téc là: 50 km/h.

(Bút lục điều tra số 135)

** Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do:*

- Bùi Thị Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 72D1-138.17 trong máu có nồng độ cồn là 61 mg/100 ml máu, không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát va chạm vào xe mô tô biển số 72E1-390.15 do ông Hồ Minh T2 điều khiển, đang dừng cùng chiều phía trước và bà Nguyễn Thị C, làm bà C ngã xuống mặt đường và bị xe ô tô biển số 72C-180.74 do anh Nguyễn Huy H2 điều khiển va chạm vào làm bà Nguyễn Thị C bị tổn thương cơ thể tỷ lệ là: 90% (Chín mươi phần trăm), đã vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ: “*Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở*” và Khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ: “*Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

Tại cơ quan CSĐT Công an thành phố V, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng trong vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã thu giữ:

- 01 ô tô biển số 72C-180.74 là tài sản của Công ty cổ phần Đ địa chỉ số A đường T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 19-05-2024, Công an thành phố V ra quyết định trả lại xe ô tô biển số 72C-180.74 cho Công ty cổ phần Đ.

- 01 xe mô tô biển số 72E1-390.15, qua xác minh do anh Nguyễn Hữu P (sinh năm: 1992; Nơi thường trú: Tổ A, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 72E1-390.15. Năm 2018, anh P đã bán chiếc xe mô tô trên cho ông Hồ Minh T2. Ngày 24-04-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Hồ Minh T2 quản lý, sử dụng.

- 01 xe mô tô biển số 72D1-138.17 do Bùi Thị Minh T3 là chủ sở hữu (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003592, được Công an thành phố B cấp ngày 29-08-2013). Hiện chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố V quản lý chờ xử lý.

- 02 clip ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông trên, hiện lưu theo hồ sơ vụ án. (Bút lục điều tra số 82, 83)

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 400.000.000đ bao gồm các chi phí: Khám, điều trị tại bệnh viện, chi phí đi lại và bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại. Trước đó, bị cáo T3 đã bồi thường số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho bị hại. Trừ đi số tiền bị cáo T3 đã bồi thường thì đại diện bị hại yêu cầu bị cáo T3 phải bồi thường số tiền còn lại là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Cáo trạng số 164/CT-VKSTPVT ngày 17-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, truy tố bị cáo Bùi Thị Thanh T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị Thanh T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh T từ 03 (Ba) đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) nhưng trừ đi số tiền 5.000.000đ bị cáo T đã bồi thường cho bị hại, số tiền còn lại là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận buộc bị cáo T bồi thường số tiền còn lại là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho bị hại bà C. Về vật chứng đề nghị trả lại 01 xe mô tô biển số 72D1-138.17 do Bùi Thị Minh T3 là chủ sở hữu cho bị cáo T3, lưu hồ sơ vụ án 02 clip ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông trên.

Bị cáo T3 không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, tai nạn xảy ra ngoài mong muốn của cả bị cáo cũng như bị hại, bị cáo xin lỗi bị hại, gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để có thể trở thành một công dân tốt, lao động cống hiến giúp gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với Biên bản sơ đồ hiện trường vụ tai nạn, bản ảnh hiện trường, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 18 giờ, ngày 14 tháng 05 năm 2023, Bùi Thị Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 72D1-138.17 lưu thông trên đường T theo hướng đi từ Nhà L, xã L đến cầu G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, khi trong máu có nồng độ cồn là 61 mg/100 ml máu, không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát nên khi đến khu vực trước cột điện số 961 đường T, thôn I, xã L, thành phố V thì va chạm với xe mô tô biển số 72E1-390 do ông Hồ Minh T2 điều khiển, đang dừng phía trước bên phải theo chiều xe mô tô 72D1-138.17 lưu thông và bà Nguyễn Thị C làm bà C ngã xuống mặt đường phía trước và bị xe ô tô trộn bê tông biển số 72C-180.74 do anh Nguyễn Huy H2 điều khiển, lưu thông cùng chiều phía sau đến va chạm vào làm bà C bị tổn thương cơ thể tỷ lệ tại thời điểm giám định là 90% (Chín mươi phần trăm).

Hành vi bị cáo điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ khi trong máu có nồng độ cồn là 61 mg/100 ml máu, không làm chủ tốc độ, không chú ý quan sát của bị cáo T đã vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung Luật phòng chống tác hại rượu, bia ngày 14-6-2019 quy định “8. *Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn*” và Khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ: “*Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”. Nên các hành vi này của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố bị cáo T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ đã hết hiệu lực nhưng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu vẫn áp dụng trong quá trình truy tố là không đúng cần phải rút kinh nghiệm.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông đường bộ tại địa phương và hậu quả là bà C tổn thương cơ thể tỷ lệ 90%. Vì vậy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội do đó cần xử phạt hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt phù hợp, đủ mức răn đe giáo dục bị cáo, đồng thời bảo đảm phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi bồi thường một phần cho bị hại số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) nhưng trừ đi số tiền 5.000.000đ bị cáo T đã bồi thường cho bị hại, số tiền còn lại là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng). Xét thấy, bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với các chi phí như: Khám, điều trị tại bệnh viện, tại nhà, chi phí đi lại, người chăm sóc, thu nhập và tổn thất về tinh thần của bà C. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại, buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền còn lại 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho bị hại bà C.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 ô tô biển số 72C-180.74 là tài sản của Công ty cổ phần Đ và trả lại 01 mô tô biển số 72E1-390.15 cho ông Hồ Minh T2. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Trả lại trả lại 01 xe mô tô biển số 72D1-138.17 do Bùi Thị Minh T3 là chủ sở hữu cho bị cáo T3.

Lưu hồ sơ vụ án 02 clip ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông trên.

[8] Về án phí: Bị cáo T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 19.750.000đ (395.750.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Bùi Thị Thanh T** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Bị cáo Bùi Thị Thanh T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-12-2023.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại trả lại 01 xe mô tô biển số 72D1-138.17 cho bị cáo T.

Vật chứng, tài sản nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 224/BB.CCTHADS ngày 06-6-2024.

Lưu hồ sơ vụ án 02 clip ghi lại hình ảnh vụ tai nạn giao thông trên.

Hiện đang lưu hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585 và 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo T phải bồi thường số tiền là 395.000.000đ (Ba trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.750.000đ (Mười chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06; PC 10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Phụng